

Bản án số: **63/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 04 - 7 - 2024

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiệp.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hà Ngọc X**, sinh ngày 05/5/1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Quốc D**, sinh ngày 21/4/1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15/5/2024, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/6/2024, nguyên đơn chị Hà Ngọc X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự quen biết tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, sau đó hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau năm **2003 nhưng không có** đăng ký kết hôn.

Quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, từ năm 2021 anh D bị bệnh, ở nhà dưỡng bệnh nhưng anh vẫn đá gà, nhậu nhẹt, không lo cho gia đình và đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn anh D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/11/2003. Đối với cháu K đã thành niên và có khả năng lao động, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 24/6/2024 anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với phần trình bày của chị X là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của chị X, anh đồng ý ly hôn nhưng giữa 02 vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên **Tòa**, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị X và anh D đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký **kết hôn** do **không hiểu biết rõ pháp luật** và cho đến thời điểm hiện tại anh và chị vẫn không có đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 22/5/2024 của chị Hà Ngọc X gửi Ủy ban nhân dân xã Phú Vang và **Văn bản** của Ủy ban nhân dân **xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm** xác nhận: Qua kiểm tra hồ sơ Hà Ngọc X và Nguyễn Quốc D không có đăng ký kết hôn tại xã là đúng.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được chị Hà Ngọc X và anh Nguyễn Quốc D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, đối với chị X trước khi kết hôn đăng ký hộ khẩu thường trú tại **ấp Quý Điền B**, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, anh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại **ấp Phú Hòa**, xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nhưng anh và chị đều không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Phú Vang và Ủy ban xã **Thạnh Phú Đông** và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định **pháp luật**.

Chị X và anh D **có đủ điều kiện đăng ký kết hôn** theo quy định pháp luật, lẽ ra anh và chị phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng lại không thực hiện. **Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì **quan hệ hôn nhân** giữa chị X và anh D là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa chị Hà Ngọc X và anh Nguyễn Quốc D là vợ chồng.

[2]. *Về con chung*: Trong quá trình sống chung giữa chị X và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Kha, sinh ngày 09/11/2003. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3]. *Về tài sản chung*: Hai bên khai thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung*: Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Hà Ngọc X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Ngọc X và anh Nguyễn Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Chị Hà Ngọc X và anh Nguyễn Quốc D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09/11/2003, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Hà Ngọc X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Ngọc X đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số **0005773 ngày 23 tháng 5 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Hà Ngọc X đã nộp đủ án phí.

Chị Hà Ngọc X, anh Nguyễn Quốc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Vang;
- UBND xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

